

Số: 2391/KH-UBND

Lai Châu, ngày 03 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/3/2026 của
Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 54-KH/ĐU ngày 30/3/2026
của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về về đột phá phát triển khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn
tỉnh Lai Châu đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030; Kế hoạch số 54-KH/ĐU ngày 30/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt nghiêm túc, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030 đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức, ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị và xã hội về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn; bố trí, huy động nguồn lực, đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Cụ thể hóa nội dung lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực, nền tảng phát triển mới của tỉnh Lai Châu. Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực đột phá để thúc đẩy phát triển bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hẹp khoảng cách phát triển.

2. Yêu cầu

Kế hoạch phải phù hợp thực tiễn, lợi thế của địa phương. Các nhiệm vụ, giải pháp phải được xác định cụ thể, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm; gắn với cơ chế theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá bằng kết quả, dữ liệu cụ thể.

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, thiết thực, khả thi; kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa nhiệm vụ thường xuyên với nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Các chỉ tiêu phải định lượng, đo lường được. Kết quả thực hiện là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đây mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyên giao tiến bộ khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đầu tư phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số; gắn nghiên cứu, ứng dụng với sản xuất và đời sống, nhất là trong nông nghiệp, chế biến, y tế, giáo dục và đào tạo, du lịch. Chú trọng bảo hộ sở hữu trí tuệ các sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh, áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tích cực, chủ động tiếp cận những thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội. Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên, đột phá, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh. Góp phần hoàn thành mục tiêu “tăng trưởng hai con số” của tỉnh. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là khâu đột phá, động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng, góp phần xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Hằng năm bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

2.2.2. Giai đoạn 2026 – 2030

(1) Về khoa học và công nghệ

Nhân lực nghiên cứu và phát triển đạt 10 người trên 1 vạn dân.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,623.

100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ, được xác định theo bài toán/ nhu cầu và có đơn vị tiếp nhận/ ứng dụng (cơ quan nhà nước, địa phương hoặc doanh nghiệp) ngay từ khâu phê duyệt nhiệm vụ.

(2) Về đổi mới sáng tạo

Phân đầu hàng năm cải thiện, nâng chỉ số đổi mới sáng tạo PII của tỉnh.

Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt mức 37,6%.

Phân đầu có trên 02 doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho 30 sản phẩm hàng hóa. Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho 20 sản phẩm có thể mạnh của địa phương.

Hàng năm mỗi cơ quan, đơn vị triển khai ít nhất 01 sáng kiến hoặc mô hình đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(3) Về chuyển đổi số

Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 9-10% GRDP.

Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%.

Trên 80% giao dịch không dùng tiền mặt trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

Hoàn thành phủ sóng 5G trên địa bàn toàn tỉnh.

100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và quản trị.

100% hoạt động quản lý và điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số.

100% các điểm, bản du lịch cộng đồng đã công nhận được số hóa 3D.

100% cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh được đầu tư, triển khai lớp học thông minh, tích hợp đầy đủ công cụ giáo dục số và các nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý lớp học.

100% người dân được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ sức khỏe điện tử.

100% cơ sở khám, chữa bệnh công lập sử dụng bệnh án điện tử.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện; chuyển tư duy từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển dựa trên khoa học, đổi mới sáng tạo và dữ liệu, công nghệ. Xác định khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là một trong ba khâu đột phá phát triển của tỉnh.

Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình hành động của cấp ủy, trở thành tiêu chí đánh giá thi đua, kết quả công tác của người đứng đầu các cấp; người đứng đầu chịu trách nhiệm về chậm trễ và hiệu quả thấp trong nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai cơ chế giao nhiệm vụ công nghệ theo chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI), công khai tiến độ hằng kỳ.

Thay đổi nhận thức chuyển từ “ngại ứng dụng và sử dụng công nghệ” sang nhận thức “thích ứng công nghệ” của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh, 100% cán bộ được đào tạo năng lực số cơ bản và kỹ năng sử dụng dữ liệu số. Toàn bộ văn bản, báo cáo, kế hoạch (trừ văn bản Tuyệt Mật) đều phải xây dựng bằng dữ liệu, số liệu phân tích và truyền tải trên môi trường mạng.

Tổ chức chương trình “CEO Lai Châu - Lãnh đạo số” cho doanh nghiệp, đào tạo lãnh đạo doanh nghiệp chuyển đổi số, quản trị bằng dữ liệu. Tổ chức các nội dung truyền thông về mô hình doanh nghiệp thành công nhờ công nghệ: nông nghiệp thông minh, du lịch số, logistics số.

Tuyên truyền thay đổi nhận thức toàn dân, thực hiện “Chiến dịch truyền thông đại chúng về công nghệ cho vùng cao”. Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng “Thôn/bản, tổ dân phố số” với dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại điện tử nông sản, thanh toán số. Triển khai phong trào “Thanh niên Lai Châu tiên phong chuyển đổi số”, “Phụ nữ kinh doanh online”, “Nông dân ứng dụng nông nghiệp thông minh”; định kỳ tổ chức “Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh”, “Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng tỉnh”. Hình thành 03 mô hình nông nghiệp, du lịch cộng đồng thông minh.

Tạo phong trào phát triển năng lực số trong học sinh; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho học sinh phổ thông. Phấn đấu xây dựng phòng thí nghiệm số, không gian sáng tạo số tại các cơ sở giáo dục phù hợp điều kiện của tỉnh. Đẩy mạnh các câu lạc bộ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông; tổ chức các cuộc thi STEM. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp để triển khai chương trình thực tập, trải nghiệm công nghệ cho học sinh.

Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai sâu rộng phong trào “bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và đãi ngộ cho cán bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đặc thù tại tỉnh; chính sách thuê chuyên gia, nhà khoa học trong quản lý, tư vấn về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Chính sách phát triển khoa học và công nghệ: thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Lai Châu; xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ cho cán bộ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW có tính đặc thù tại tỉnh. Xem xét ưu đãi vốn vay cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ công lập thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Rà soát, điều chỉnh, xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh theo hướng hỗ trợ định mức kinh phí tối đa, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ; ứng dụng khoa học và công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quản lý chất lượng sản phẩm trong tỉnh.

Chính sách phát triển công nghệ: Đánh giá hiện trạng năng lực công nghệ của các ngành kinh tế tỉnh; xây dựng “bản đồ công nghệ” và lộ trình đổi mới công nghệ cho các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích hợp tác công – tư (PPP) đầu tư cơ sở hạ tầng số và công nghệ: hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu, trung tâm điện toán đám mây phục vụ chính quyền số, doanh nghiệp và cộng đồng, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

Chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo: Xây dựng chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo gồm: chi phí xây dựng và tổ chức các chương trình hỗ trợ nâng cao năng

lực khởi nghiệp sáng tạo cho các doanh nghiệp; chi phí thuê chuyên gia, tư vấn; chi phí tuyển chọn dự án khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay vốn và bảo lãnh tín dụng khi vay vốn tại ngân hàng thương mại; hỗ trợ chi phí tổ chức các hoạt động kết nối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: sự kiện, diễn đàn, hội thảo, cuộc thi, chương trình kết nối đầu tư - công nghệ - thị trường. Tham gia tích cực vào mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp quốc gia. Hỗ trợ xây dựng công cụ sáng tạo và thí điểm, cho phép thí điểm ứng dụng quản lý du lịch bằng AI, dịch vụ tài chính số, thương mại điện tử vùng cao...

Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số: Xây dựng chính sách xây dựng dữ liệu đặc thù của tỉnh như bản đồ số rừng trồng, hồ sơ nông lâm nghiệp, cơ sở dữ liệu văn hóa dân tộc thiểu số; đẩy mạnh đầu tư hạ tầng viễn thông – Internet ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn biên giới; kết hợp chính sách PPP để xây dựng trạm phát 5G, phủ sóng mạng cáp quang toàn tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số thông qua khuyến khích như hỗ trợ kinh phí chuyển đổi số, kinh phí đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng, phát triển thương mại điện tử, hướng dẫn xây dựng kênh bán hàng số cho sản phẩm đặc sản, OCOP trên địa bàn; chính sách khuyến khích thành lập trung tâm hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Bảo đảm cân đối, bố trí nguồn lực ngân sách thoả đáng cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý, sử dụng các khoản chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả. Thu hút nguồn lực khoa học và công nghệ từ các chương trình quốc gia, tổ chức quốc tế. Khuyến khích hợp tác công tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến. Chú trọng phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục củng cố, đầu tư đối với tổ chức KH&CN công lập hiện có trên địa bàn tỉnh theo hướng phù hợp với các định hướng ưu tiên về KH&CN&ĐMST, kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh.

Mở rộng cáp quang tới 100% bản chưa có cáp quang, thúc đẩy 4G/5G ổn định ở các bản chưa có sóng di động; thiết lập các điểm truy cập internet công cộng tại nhà văn hóa bản, chợ, trạm y tế. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp viễn thông để ưu đãi chi phí hạ tầng ở vùng núi, mô hình PPP xây dựng hạ tầng số. Đầu tư trung tâm dữ liệu tỉnh và nền tảng dữ liệu mở - kho dữ liệu dùng chung, triển khai nền tảng dữ liệu tích hợp theo tiêu chuẩn an toàn, bảo mật; nâng cấp trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh; thành lập hoặc giao chức năng

nhiệm vụ ươm tạo công nghệ vào đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh. Đầu tư thiết bị công nghệ, thực hành IoT, AI tại các tổ chức khoa học công nghệ, trường học; kết nối với doanh nghiệp để đào tạo theo đặt hàng.

Xây dựng hạ tầng công nghệ số hiện đại, an toàn và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu một cách hiệu quả, an toàn. Hình thành và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu lớn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

4. Phát triển, thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng chương trình đào tạo chuẩn hoá 5 năm (2026–2030) nhằm nâng cao chất lượng nhà quản lý số, nhân lực kỹ thuật số, nhân lực ứng dụng khoa học công nghệ.

Chuẩn hoá 100% cán bộ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước có chứng chỉ về chuyên đổi số/công nghệ thông tin theo hướng dẫn của trung ương, đào tạo 20 - 30% cán bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp, quản lý đất đai, xây dựng, công thương có kỹ năng số về Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối. Phát triển đội ngũ mỗi xã có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách số.

Mời chuyên gia hỗ trợ tỉnh trong các nhiệm vụ: xây dựng cơ sở dữ liệu, mô hình AI dự báo thiên tai, hệ thống quản lý nông nghiệp thông minh, quy trình chế biến nông sản chất lượng cao. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài tỉnh.

Xây dựng môi trường làm việc hiện đại, tạo môi trường khuyến khích sáng tạo, dám thử nghiệm công nghệ mới; bảo đảm “văn hoá số” tại cơ quan nhà nước, đo lường kết quả, đánh giá dựa trên dữ liệu. Ký thỏa thuận dài hạn với các học viện, trường đại học, tập đoàn công nghệ để đào tạo theo đặt hàng nhân lực: công nghệ thông tin, dữ liệu, an toàn thông tin, IoT, tự động hoá, môi trường số. Hỗ trợ sinh viên đại học thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Xây dựng, bổ sung quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại nhân lực KH&CN theo hướng bảo đảm chất lượng, đồng bộ, đủ về số lượng và cơ cấu ngành nghề chuyên môn đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, chuyên gia các lĩnh vực phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, chuyển đổi số; thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; khuyến khích cán bộ KH&CN đi học tập nâng cao trình độ; chú trọng công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN. Tập trung hình thành nguồn nhân lực KH&CN trong tỉnh và thu hút nguồn chuyên gia nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia trong nước có trình độ và năng lực

sáng tạo cao, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa của tỉnh trong bối cảnh mới.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực

Thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh; đầu tư trung tâm dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây; ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động hệ thống chính trị, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý điều hành.

Xây dựng chính quyền số tỉnh, hoàn thiện nền tảng dữ liệu tích hợp, các hệ thống quản lý chuyên ngành, cung cấp dịch vụ công điện tử, trả lời kịp thời, minh bạch và dựa trên dữ liệu. Xây dựng kiến trúc chính quyền số tỉnh đáp ứng chuẩn hóa trao đổi dữ liệu, giao diện lập trình ứng dụng (API), định danh số; yêu cầu bắt buộc tích hợp cho tất cả hệ thống ngành, danh mục dữ liệu mở cho doanh nghiệp. Chuyển đổi các dịch vụ công trọng yếu lên toàn trình, triển khai đẩy mạnh hệ thống thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn tỉnh.

Ứng dụng công nghệ để nâng cao năng lực ra quyết định, giám sát, thanh tra, quản lý rủi ro và phòng chống tham nhũng - giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, tăng hiệu quả công tác quản lý. Thử nghiệm mô hình trí tuệ nhân tạo hỗ trợ soạn thảo văn bản hành chính, rà soát chính sách, phân tích rủi ro nghiệp vụ kiểm tra, thanh tra.

Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý kết hợp trí tuệ nhân tạo AI quản lý đất đai, rừng, tích hợp vào hệ thống cấp phép, kiểm kê và thanh tra. Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT) trong hoạt động y tế và cung cấp dịch vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa. Duy trì hiệu quả hệ thống học tập trực tuyến, đầu tư phòng học thông minh quy mô toàn tỉnh, tăng khả năng tiếp cận công nghệ thông tin cho trường vùng cao, quản lý trường học dữ liệu mở. Ứng dụng giám sát sinh trường, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản.

Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ. Phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công.

6. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

Tập trung nghiên cứu, đánh giá các giá trị di sản, nguồn lực nhân văn di sản văn hóa, tri thức bản địa, đặc thù văn hóa vùng miền gắn với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; xây dựng văn hoá đổi mới sáng tạo, văn hoá số, phát triển công nghiệp văn hóa; Phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng làng nghề

gắn với du lịch.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái đa lợi ích, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp giảm phát thải, công nghệ chế biến sâu; y tế chuyên sâu, y tế thông minh, y học cổ truyền; công nghệ mới về truy xuất nguồn gốc; bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Nghiên cứu chuyển đổi số trong nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa và du lịch, logistics. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng dần tỷ trọng nguồn cung công nghệ, thiết bị trong nước, nội tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hình thành các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

Tập trung hỗ trợ startup công nghệ, startup nông nghiệp số, logistics số, du lịch số, doanh nghiệp chế biến sâu, hỗ trợ thương mại hóa sáng chế, kết quả nghiên cứu của tỉnh. Kết nối doanh nghiệp Lai Châu với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, đặc biệt là trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC).

Gia tăng số lượng, chất lượng và hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, chú trọng phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp cùng với việc tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc xây dựng kịp thời tiêu chuẩn cơ sở đối với các công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thị trường, bảo đảm phát triển tài sản trí tuệ và tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa là công cụ hữu hiệu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới.

7. Tăng cường hợp tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Chủ động tham gia các chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Nông nghiệp công nghệ cao, Chiến lược AI Quốc gia, Chuyển đổi số quốc gia.

Thiết lập mạng lưới đối tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, tập trung vào các đơn vị có thế mạnh về lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, tài nguyên, môi trường, năng lượng, công nghệ số, nền tảng số, điện toán đám mây, an toàn thông tin, dữ liệu lớn, trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC); hợp tác với các tỉnh Tây Bắc phát triển cơ sở dữ liệu vùng, bản đồ số vùng du lịch, các dự án nghiên cứu chung về biến đổi khí hậu, du lịch sinh thái - du lịch cộng đồng liên vùng.

Hợp tác với Bộ, ngành, viện nghiên cứu, các trường đại học để nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực. Tăng cường liên kết về dữ liệu và hạ tầng số, kết nối cơ sở dữ

liệu và nền tảng dùng chung của tỉnh với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện: 3.726.756 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí

2.1. Dự kiến nhiệm vụ, dự án Chuyển đổi số: 973.756 triệu đồng.

2.2. Dự kiến nhiệm vụ KHCN, ĐMST: 2.773.000 triệu đồng.

Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương, ngân sách trung ương, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Kinh phí cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch phụ thuộc vào khả năng cân đối, bố trí, huy động từ các nguồn vốn và quyết định của cấp có thẩm quyền.

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

Phụ lục I: Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm Chuyển đổi số thực hiện kế hoạch sử dụng vốn đầu tư.

Phụ lục II: Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm Chuyển đổi số thực hiện kế hoạch sử dụng vốn thường xuyên.

Phụ lục III: Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm Chuyển đổi số thực hiện kế hoạch sử dụng vốn chương trình mục tiêu.

Phụ lục IV: Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm Chuyển đổi số thực hiện kế hoạch sử dụng vốn doanh nghiệp, xã hội hóa.

Phụ lục V: Danh mục nhiệm vụ trọng tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng vốn sự nghiệp.

Phụ lục VI: Các nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch số 54-KH/ĐU Ngày 30/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh lai châu đến năm 2030.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch và hoạt động khoa học, công nghệ, chuyển đổi số của tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan thường trực, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, định kỳ hoặc báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai Kế hoạch.

Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đề xuất, chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh danh mục, nhiệm vụ, dự án hàng năm phù hợp với định mức, đơn giá, mức chi của từng năm; kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ chi nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp và tổng hợp gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Chuyển đổi số.

Thẩm định, cho ý kiến theo quy định các nhiệm vụ do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ trong Kế hoạch đã được phê duyệt. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định, đảm bảo bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển hàng năm theo quy định của pháp luật.

Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan, đơn vị mình.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ lựa chọn, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh.

Thẩm định các nội dung liên quan đến việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

5. Công an tỉnh

Chủ trì, tham mưu các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn liền với Đề án 06 về "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030".

6. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh truyền thông về nội dung và hiệu quả triển khai Kế hoạch.

7. Tỉnh đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Lai Châu

Tuyên truyền, hướng dẫn cho đoàn viên, thanh niên, xây dựng Đoàn thanh niên là lực lượng nòng cốt, xung kích, lan tỏa về tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

8. Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh

Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

Truyền thông lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

9. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết ngành, địa phương, đơn vị phụ trách, trong đó xác định lộ trình, cân đối, phân kỳ nguồn lực đầu tư hợp lý để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ, chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa bàn mình phụ trách.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông.

Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) tình hình, kết quả thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Các doanh nghiệp có phần vốn nhà nước chủ động đi đầu, làm nòng cốt trong áp dụng và thực hiện khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và năng lực sản xuất kinh doanh.

10. Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh

Triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp mình và để dẫn dắt các doanh nghiệp ngành nghề khác trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số.

Khuyến khích nghiên cứu, xây dựng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ

trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ; lên kế hoạch và tham gia hỗ trợ các doanh nghiệp ngành nghề khác và người dân, khách hàng của mình trong chuyển đổi số.

11. Các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội

Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp của mình. Thực hiện chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

Các Ngân hàng phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các cơ quan liên quan đẩy mạnh thanh toán điện tử. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển thương mại điện tử.

Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp chủ động, kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc về Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết theo thẩm quyền, hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ KH, CN, ĐMST, CDS và Đề án 06;
- Các Ban xây dựng đảng tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Các Cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh;
- V: V, HCQT, THCB, C;
- Lưu: VT, Vx3, Vx5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải